

UBND TỈNH BÌNH THUẬN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
1	060001	Nguyễn Đức	Ái	31/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	4.80	8.50	20.05	
2	060002	Trần Khánh	An	30/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	1.75	2.00	1.00	4.75	
3	060003	Trần Nguyễn Thu	An	10/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	3.80	8.00	19.55	
4	060004	Huỳnh Hoài	Ân	03/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	7.60	9.50	25.10	
5	060005	Đình Vân	Anh	01/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	6.80	8.25	22.80	
6	060006	Lê Nhật Trâm	Anh	26/12/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	7.00	8.50	22.50	
7	060007	Lê Quỳnh	Anh	03/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	7.20	6.50	21.95	
8	060008	Lê Thị Hà	Anh	04/12/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	0.20	6.75	14.20	
9	060009	Nguyễn Ngọc Duy	Anh	07/09/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	1.25	2.20	0.00	4.45	
10	060010	Nguyễn Nhật	Anh	29/12/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	7.40	6.25	18.90	
11	060011	Nguyễn Phương Tuấn	Anh	23/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	9.00	8.80	8.75	26.55	
12	060012	Nguyễn Thị Hà	Anh	25/06/2010	Nữ	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	0	0	4.50	2.60	4.00	11.10	
13	060013	Nguyễn Trần Hoàng	Anh	29/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.75	8.80	9.00	26.55	
14	060014	Nguyễn Vũ Minh	Anh	20/01/2010	Nữ	Kinh	Long Khánh, Đồng Nai	0	0	7.25	7.60	8.00	22.85	
15	060015	Phạm Nhật	Anh	09/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	6.20	8.00	21.95	
16	060016	Phạm Thị Lan	Anh	19/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.25	1.80	3.50	8.55	
17	060017	Thông Thùy Phương	Anh	11/11/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	6.75	2.80	5.50	16.05	
18	060018	Trần Võ Duy	Anh	01/10/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.50	9.40	9.00	26.90	
19	060019	Trương Thị Quỳnh	Anh	22/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	3.60	7.00	17.10	
20	060020	Võ Hoài Vân	Anh	10/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	6.40	3.50	15.40	
21	060021	Võ Ngọc Trâm	Anh	03/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.00	3.20	3.25	9.45	
22	060022	Nguyễn Thị Minh	Ảnh	07/02/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	0	0	7.25	6.60	8.00	21.85	
23	060023	Nguyễn Thị Hải	Âu	24/07/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	6.20	7.00	21.20	
24	060024	Huỳnh Nguyễn Khánh	Băng	28/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.75	8.60	9.00	26.35	
25	060025	Ngô Ngọc Khánh	Băng	09/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	5.60	7.75	19.85	
26	060026	Nguyễn Ngọc Khánh	Băng	24/10/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.00	6.60	8.00	22.60	
27	060027	Đặng Ngọc Duy	Bảo	29/10/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
28	060028	Lê Thiên	Bảo	13/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.50	1.80	1.75	7.05	
29	060029	Mang Quốc	Bảo	10/01/2010	Nam	Rai	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	5.50	2.60	6.75	15.85	
30	060030	Nguyễn Khánh	Bảo	24/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.25	1.20	6.00	11.45	
31	060031	Nguyễn Lê Gia	Bảo	12/04/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	8.60	9.00	24.85	
32	060032	Nguyễn Mai Gia	Bảo	26/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	6.20	8.75	21.95	
33	060033	Nguyễn Minh Gia	Bảo	13/10/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	1.25	2.20	2.50	5.95	
34	060034	Nguyễn Quốc	Bảo	04/12/2010	Nam	Kinh	Quận 5, Hồ Chí Minh	0	0	5.25	2.80	6.50	14.55	
35	060035	Phùng Thế Gia	Bảo	29/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	8.00	8.00	23.25	
36	060036	Thái Gia	Bảo	14/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.50	2.00	6.00	11.50	
37	060037	Trần Bảo	Bảo	09/12/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.00	5.60	8.75	19.35	
38	060038	Ung Trần Huy	Bảo	23/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.50	4.20	9.00	17.70	
39	060039	Trần Thị Ngọc	Bích	30/05/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	3.60	7.50	17.60	
40	060040	Huỳnh Thanh	Bình	28/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	7.00	8.75	23.00	
41	060041	Lê An	Bình	18/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.25	1.40	2.00	7.65	
42	060042	Lê Khánh	Bình	02/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	9.40	9.00	25.65	
43	060043	Nguyễn Thái	Bình	27/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.75	3.60	6.25	14.60	
44	060044	Nguyễn Thanh	Bình	07/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.00	2.40	5.25	12.65	
45	060045	Nguyễn Thị Thu	Bình	18/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	2.20	3.25	10.70	
46	060046	Nguyễn Nhật	Cang	09/10/2009	Nam	Kinh	Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh	0	0	5.75	1.20	5.75	12.70	
47	060047	Đặng Hạ Linh	Châu	09/07/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	2.00	6.75	15.00	
48	060048	Đào Thị Mỹ	Châu	19/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	3.60	7.00	17.85	
49	060049	Nguyễn Thị Bảo	Châu	12/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	6.60	9.00	23.60	
50	060050	Thông Đức	Châu	05/05/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	5.00	1.60	4.75	12.35	
51	060051	Thông Thái Bảo	Châu	01/12/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	6.25	3.40	7.00	17.65	
52	060052	Trần Bảo	Châu	13/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	1	0	8.00	7.00	7.50	23.50	
53	060053	Trần Huỳnh Bảo	Châu	30/05/2010	Nữ	Kinh	Quận 1, Hồ Chí Minh	0	0	7.75	6.80	6.25	20.80	
54	060054	Trần Ngọc Ái	Châu	06/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	2.60	6.00	13.85	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
55	060055	Trần Phùng Bảo	Châu	03/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	9.00	8.50	25.75	
56	060056	Đồng Thị Anh	Chi	19/09/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	3.75	5.60	4.25	14.60	
57	060057	Nguyễn Thảo Phương	Chi	13/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	9.20	9.00	26.20	
58	060058	Thông Thị Kim	Chi	26/01/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	4.75	2.60	5.75	14.10	
59	060059	Nguyễn Huy	Chương	22/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	5.00	7.25	19.00	
60	060060	Trần Thị Thanh	Cúc	08/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	3.00	5.50	15.75	
61	060061	Tăng Chí	Cường	12/07/2010	Nam	Hoa	Phan Thiết, Bình Thuận	1	0	5.25	2.00	1.25	9.50	
62	060062	Nguyễn Hoàng Nhã	Đan	13/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	4.40	5.75	16.65	
63	060063	Trần Yển	Đan	05/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.50	7.80	8.50	24.80	
64	060064	Cao Hoàng	Đặng	25/02/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	2.75	2.20	4.25	9.20	
65	060065	Đỗ Hải	Đặng	26/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.50	2.40	7.50	14.40	
66	060066	Nguyễn Hải	Đặng	28/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.75	1.80	5.25	11.80	
67	060067	Trần Hải	Đặng	18/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.50	2.60	6.50	13.60	
68	060068	Trần Nhật Bảo	Đặng	07/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	3.00	5.50	14.25	
69	060069	Biện Thành	Danh	18/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	9.80	7.25	24.80	
70	060070	Huỳnh Khánh	Danh	13/02/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.75	6.40	2.50	12.65	
71	060071	Lê Thành	Danh	30/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	2.80	7.50	17.30	
72	060072	Thông Hoàng	Danh	27/03/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	3.75	3.20	3.75	11.70	
73	060073	Thông Thị	Đào	17/08/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	5.50	3.40	4.25	14.15	
74	060074	Huỳnh Nguyễn Quốc	Đạt	30/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	8.80	9.25	26.05	
75	060075	La Hoài Quốc	Đạt	02/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	4.40	7.00	18.15	
76	060076	Lê Quốc	Đạt	27/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.00	1.60	6.25	12.85	
77	060077	Lương Quốc	Đạt	29/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	1.60	4.50	11.35	
78	060078	Ngô Thành	Đạt	25/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	2.80	6.25	15.80	
79	060079	Nguyễn Hữu	Đạt	26/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.50	1.80	4.00	11.30	
80	060080	Nguyễn Thành	Đạt	14/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	1.60	4.75	12.60	
81	060081	Nguyễn Tiến	Đạt	06/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	1.80	4.00	11.05	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
82	060082	Trần Lê Triều	Đến	23/10/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	3.60	7.50	16.35	
83	060083	Bùi Thanh	Diễm	11/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	1.50	1.80	3.25	6.55	
84	060084	Nguyễn Hoàng	Diệu	31/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	4.00	7.25	18.50	
85	060085	Nguyễn Thị Xuân	Diệu	28/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.25	2.60	3.00	9.85	
86	060086	Nguyễn Thế	Dinh	11/04/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	1.75	2.00	0.00	4.75	
87	060087	Đoàn Ngọc Phương	Đoan	13/12/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.50	3.20	5.00	12.70	
88	060088	Nguyễn Quang	Đông	15/12/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.75	1.80	3.75	10.30	
89	060089	Mang Quốc	Du	04/11/2010	Nam	Cơ-ho	Phan Thiết, Bình Thuận	1	0	5.25	3.20	5.25	14.70	
90	060090	Phú Kim Uyên	Du	22/11/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	7.00	2.20	7.25	17.45	
91	060091	Thông Thái Tâm	Du	06/11/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	3.75	2.20	3.75	10.70	
92	060092	Lý Việt	Đức	01/11/2010	Nam	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	0	0	5.00	2.80	5.00	12.80	
93	060093	Nguyễn Trọng	Đức	30/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	5.00	7.50	20.75	
94	060094	Huỳnh Thị Mỹ	Dung	05/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.25	5.00	8.25	21.50	
95	060095	Huỳnh Trần Thu	Dung	28/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Rang Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	7.25	7.00	9.00	23.25	
96	060096	Lê Thùy	Dung	06/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.75	7.80	8.75	25.30	
97	060097	Phạm Phương	Dung	09/02/2010	Nữ	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	1	0	6.75	2.20	7.25	17.20	
98	060098	Phan Tiến	Dũng	16/12/2010	Nam	Kinh	Quảng Trạch, Quảng Bình	0	0	5.00	3.80	8.50	17.30	
99	060099	Trần Anh	Dũng	03/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	8.00	8.00	24.25	
100	060100	K' Thông Khắc	Dựng	05/01/2010	Nam	Cơ Ho	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	5.50	2.00	4.00	12.50	
101	060101	Lê Ngọc	Dương	09/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.00	2.00	5.50	10.50	
102	060102	Lê Ngọc Ánh	Dương	19/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	8.60	7.75	24.60	
103	060103	Nguyễn Hải	Dương	11/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	4.20	7.00	17.95	
104	060104	Nguyễn Thị Ánh	Dương	18/05/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	4.60	8.50	19.60	
105	060105	Nguyễn Thị Thùy	Dương	06/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	2.80	6.25	16.30	
106	060106	Văn Công	Dương	08/10/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.25	2.60	5.75	12.60	
107	060107	Đoàn Minh	Duy	24/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.00	3.00	6.50	14.50	
108	060108	Nguyễn Đức	Duy	01/04/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	8.20	9.00	24.70	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
109	060109	Nguyễn Hoàng Thế	Duy	25/03/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.50	3.00	5.25	12.75	
110	060110	Nguyễn Ngọc	Duy	16/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.50	3.20	5.75	14.45	
111	060111	Phạm Nguyễn Tấn	Duy	19/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	4.00	5.25	15.00	
112	060112	Thanh Thị Yến	Duy	17/09/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	5.50	2.60	4.50	13.60	
113	060113	Thông Khánh	Duy	25/06/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	5.00	3.00	4.75	13.75	
114	060114	Huỳnh Thị Ái	Duyên	18/02/2010	Nữ	Chăm	Phan Thiết, Bình Thuận	1	0	7.25	3.80	4.75	16.80	
115	060115	Lê Thị Mỹ	Duyên	20/08/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	3.80	7.25	16.30	
116	060116	Phạm Phương	Duyên	18/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	8.40	8.50	25.15	
117	060117	Trần Thị Hồng	Duyên	11/08/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	5.40	8.25	20.40	
118	060118	Nguyễn Nhật Hoàng	Gia	25/12/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.00	2.20	1.25	7.45	
119	060119	Nguyễn Quốc	Gia	28/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	6.00	7.75	20.75	
120	060120	Trần Ngọc Quỳnh	Gia	20/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	9.00	8.80	8.75	26.55	
121	060121	Mai Thị Ngân	Giang	02/08/2010	Nữ	Kinh	Định Quán, Đồng Nai	0	0	7.25	5.00	7.25	19.50	
122	060122	Nguyễn Thị Hương	Giang	18/07/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	4.60	7.00	18.85	
123	060123	Võ Thị Hương	Giang	31/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	3.00	5.25	14.50	
124	060124	Hoàng Ngọc Ngân	Hà	08/04/2010	Nữ	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	0	0	7.75	7.60	8.50	23.85	
125	060125	Lưu Nguyễn Khánh	Hà	11/09/2009	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.75	8.40	8.25	25.40	
126	060126	Mai Phương	Hà	17/12/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	2.40	7.50	16.40	
127	060127	Nguyễn Hải	Hà	30/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	4.00	7.00	17.75	
128	060128	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Hà	05/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
129	060129	Nguyễn Thị Hồng	Hà	15/08/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	4.60	8.00	19.85	
130	060130	Nguyễn Thy Nhật	Hà	11/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	5.60	7.25	18.85	
131	060131	Lương Bích	Hạ	11/12/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	5.60	8.00	20.60	
132	060132	Nguyễn Nhật	Hạ	07/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	7.40	8.00	23.40	
133	060133	Phạm Đặng Mỹ	Hạ	22/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.58	4.40	6.25	17.23	
134	060134	Ngô Thiên	Hải	17/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	7.80	7.50	22.80	
135	060135	Nguyễn Ngọc	Hải	16/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.25	2.00	0.25	5.50	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
136	060136	Trương Thị Thanh	Hải	28/12/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	3.40	5.75	14.90	
137	060137	Bùi Gia	Hân	07/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.50	3.80	5.50	13.80	
138	060138	Hoàng Vũ Bảo	Hân	05/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	3.20	6.75	17.70	
139	060139	Liêu Thị Ngọc	Hân	21/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	2.40	7.25	16.65	
140	060140	Lưu Gia	Hân	19/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	7.60	8.25	23.10	
141	060141	Nguyễn Diệu	Hân	18/12/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	2.60	2.25	11.35	
142	060142	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	22/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	2.20	6.25	15.20	
143	060143	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	08/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.42	4.40	7.50	18.32	
144	060144	Phạm Huỳnh Gia	Hân	23/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.25	2.40	6.00	11.65	
145	060145	Trần Ngọc Khánh	Hân	02/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	3.80	8.50	18.55	
146	060146	Trịnh Ngọc Gia	Hân	01/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	4.00	7.50	17.00	
147	060147	Võ Thanh	Hân	13/10/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	1.50	2.20	3.50	7.20	
148	060148	Nguyễn Thanh	Hằng	01/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	1.80	5.75	13.55	
149	060149	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	19/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	4.40	8.50	19.90	
150	060150	Nguyễn Thị Minh	Hằng	04/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	5.20	8.25	20.95	
151	060151	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	22/03/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	3.60	8.25	18.10	
152	060152	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	27/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	3.00	7.00	16.50	
153	060153	Lê Thị Hồng	Hạnh	28/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	3.20	4.00	13.20	
154	060154	Lại Minh	Hào	27/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.25	3.80	7.75	15.80	
155	060155	Lê Trần Anh	Hào	09/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.50	1.20	3.75	9.45	
156	060156	Trần Quốc	Hào	17/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	2.75	2.80	2.25	7.80	
157	060157	Nguyễn Thiên	Hạo	15/11/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	1.80	6.50	15.55	
158	060158	Dương Thị Thúy	Hậu	07/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	3.20	7.50	17.20	
159	060159	Nguyễn Nhất	Hậu	23/11/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.50	2.60	3.50	10.60	
160	060160	Nguyễn Trần Anh	Hậu	21/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	4.60	7.50	17.85	
161	060161	Phạm Văn	Hậu	02/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	2.20	6.50	14.70	
162	060162	Phan Văn	Hậu	20/10/2009	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.33	1.20	3.50	8.03	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
163	060163	Trịnh Phan Ngọc	Hậu	18/03/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.75	8.00	8.25	25.00	
164	060164	Hà Nguyễn Minh	Hiên	14/12/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	5.60	7.50	20.60	
165	060165	Huỳnh Thị Ngọc	Hiên	25/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	8.00	9.25	25.25	
166	060166	Nguyễn Thị Thanh	Hiên	09/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	4.60	4.00	16.10	
167	060167	Trần Thị Bích	Hiên	08/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	3.20	4.50	13.20	
168	060168	Nguyễn Hòa	Hiệp	04/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	3.80	6.75	16.80	
169	060169	Ung Lê Khánh	Hiệp	12/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.50	9.40	8.50	26.40	
170	060170	Lê Thị	Hiếu	04/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	1.20	5.00	11.95	
171	060171	Nguyễn Anh	Hiếu	17/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.00	2.60	7.00	12.60	
172	060172	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	29/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	5.80	5.75	18.80	
173	060173	Thông Hoàng	Hiếu	05/10/2010	Nam	Chăm	Phan Thiết, Bình Thuận	1	0	6.50	2.60	8.00	18.10	
174	060174	Trần Thị Ngọc	Hiếu	26/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.25	2.40	1.75	7.40	
175	060175	Trần Thị Ngọc	Hiếu	09/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	4.00	5.75	16.75	
176	060176	Lê Thị Mai	Hoa	16/07/2010	Nữ	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	0	0	5.50	2.20	7.00	14.70	
177	060177	Nguyễn Diệu Bích	Hoa	29/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	2.00	4.00	11.25	
178	060178	Phan Thị Ngọc	Hoa	14/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Tân, Bình Thuận	0	0	6.50	2.40	6.75	15.65	
179	060179	Nguyễn Ngọc	Hoài	16/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	3.20	8.00	18.45	
180	060180	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Hoan	19/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	3.60	6.00	17.10	
181	060181	Nguyễn Bảo Gia	Hoan	07/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	5.80	7.50	21.30	
182	060182	Nguyễn	Hoàng	18/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	3.60	7.25	16.85	
183	060183	Nguyễn Huy	Hoàng	10/03/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	3.00	4.00	14.25	
184	060184	Nguyễn Việt	Hoàng	06/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	9.25	7.80	8.75	25.80	
185	060185	Phạm Bửu Thiên	Hoàng	05/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	9.00	5.60	8.50	23.10	
186	060186	Trương Nguyễn	Hoàng	06/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	3.40	7.00	16.40	
187	060187	Từ Sĩ Huy	Hoàng	11/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	5.80	6.50	18.05	
188	060188	Đinh Thị Hoa	Hồng	22/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.50	5.60	8.00	22.10	
189	060189	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	23/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	4.60	6.50	18.85	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
190	060190	Nguyễn Hồng Hòa	Hợp	04/12/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.25	3.40	6.25	13.90	
191	060191	Đặng Gia	Huân	30/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
192	060192	Nguyễn Đoàn Duy	Huân	28/02/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.00	7.60	8.50	24.10	
193	060193	Đặng Minh	Hùng	19/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.25	1.40	2.00	6.65	
194	060194	Đặng Việt	Hùng	16/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	4.20	5.25	15.45	
195	060195	Nguyễn Quốc	Hùng	01/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.50	2.20	4.50	10.20	
196	060196	Nguyễn Thái	Hùng	02/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.50	3.60	5.50	12.60	
197	060197	Phạm Đại	Hùng	17/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	2.60	6.50	15.60	
198	060198	Trần Mạnh	Hùng	06/06/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	5.00	3.00	3.75	12.75	
199	060199	Diệp Nguyễn	Hưng	24/07/2010	Nam	Hoa	Bảo Lộc, Lâm Đồng	1	0	5.00	1.20	4.75	11.95	
200	060200	Huỳnh Nhật Huy	Hưng	03/04/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	4.60	4.25	14.60	
201	060201	Lê Thành	Hưng	21/11/2010	Nam	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	0	0	5.25	2.00	5.00	12.25	
202	060202	Ngũ Thành	Hưng	26/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	2.80	7.25	16.55	
203	060203	Nguyễn Quốc	Hưng	25/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
204	060204	Nguyễn Thành	Hưng	13/12/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
205	060205	Nguyễn Tùng	Hưng	20/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.00	2.20	5.75	10.95	
206	060206	Phạm Văn	Hưng	05/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.75	2.00	1.25	7.00	
207	060207	Trần Khánh	Hưng	21/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	5.20	8.25	20.95	
208	060208	Dương Nguyễn Xuân	Hương	22/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	3.80	8.00	17.55	
209	060209	Lê Quỳnh Diễm	Hương	30/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.50	3.20	3.75	10.45	
210	060210	Lương Võ Quỳnh	Hương	02/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	1.80	4.00	12.55	
211	060211	Ngô Thị Mai	Hương	19/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	2.80	5.00	14.80	
212	060212	Nguyễn Thị Diệu	Hương	12/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	3.20	7.75	17.70	
213	060213	Phạm Thị Thanh	Hương	15/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	7.40	8.75	23.40	
214	060214	Thông Thị Mai	Hương	12/01/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	6.00	4.60	5.25	16.85	
215	060215	Trần Thị Thanh	Hương	25/10/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	2.00	2.25	11.75	
216	060216	Trần Thị Trâm	Hương	18/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.50	2.40	5.00	12.90	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
217	060217	Khê Châu Hoàng	Huy	12/05/2009	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	4.75	1.20	1.50	8.45	
218	060218	Lê Nhật	Huy	05/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	6.20	6.25	18.45	
219	060219	Lê Văn Gia	Huy	19/06/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	2.40	0.00	7.65	
220	060220	Nguyễn Hữu	Huy	28/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.50	6.40	7.50	22.40	
221	060221	Nguyễn Ngọc Tấn	Huy	19/10/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	1.75	2.60	0.00	4.35	
222	060222	Nguyễn Nhật	Huy	17/06/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	3.80	6.75	16.55	
223	060223	Nguyễn Nhật Đan	Huy	20/04/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	1.80	4.25	12.30	
224	060224	Nguyễn Trần Nhật	Huy	19/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	2.40	6.50	14.65	
225	060225	Phạm Khắc	Huy	14/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	2.25	2.00	2.50	6.75	
226	060226	Trần Ngọc Quang	Huy	05/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.50	4.60	6.50	15.60	
227	060227	Trần Nhất	Huy	07/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	4.80	8.00	19.80	
228	060228	Trần Tuấn	Huy	28/03/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	2.20	5.50	13.45	
229	060229	Trịnh Thanh	Huy	30/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	4.40	8.25	19.65	
230	060230	Võ Ngọc	Huy	10/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	3.00	2.50	11.00	
231	060231	Trương Thị Kim	Huyền	15/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	4.00	7.50	19.25	
232	060232	Bùi Nguyễn	Kha	24/04/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	5.00	7.25	19.75	
233	060233	Đỗ Thị Anh	Kha	04/10/2010	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	0	0	5.25	5.80	8.25	19.30	
234	060234	Trần Quốc	Kha	04/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	2.40	6.50	15.40	
235	060235	Phan Lê Tiên	Khách	17/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	5.00	7.50	19.75	
236	060236	Lê Võ Nguyên	Khải	07/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	6.00	7.50	20.75	
237	060237	Ngô Anh	Khải	10/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	2.75	3.60	2.00	8.35	
238	060238	Nguyễn Lê Tuấn	Khải	12/03/2010	Nam	Kinh	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	7.75	4.40	8.25	20.40	
239	060239	Bùi Quốc Bảo	Khang	15/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	3.40	6.50	17.65	
240	060240	Đặng Tuấn	Khang	08/04/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	4.20	7.25	18.45	
241	060241	Hoàng Gia	Khang	08/12/2010	Nam	Kinh	La Gi, Bình Thuận	0	0	5.00	2.80	4.50	12.30	
242	060242	Huỳnh Tấn	Khang	17/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
243	060243	Huỳnh Võ Duy	Khang	16/12/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.00	2.00	4.50	11.50	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
244	060244	Lê Chí	Khang	15/03/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	4.60	7.75	18.85	
245	060245	Lê Ngọc	Khang	12/04/2010	Nam	Kinh	Diễn Châu, Nghệ An	0	0	6.50	7.00	8.50	22.00	
246	060246	Lương Ngọc Vũ	Khang	23/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	4.00	6.00	15.25	
247	060247	Nguyễn Bảo	Khang	05/06/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	1.20	2.75	9.95	
248	060248	Nguyễn Bảo Duy	Khang	12/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.00	3.80	4.50	13.30	
249	060249	Nguyễn Chí	Khang	19/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	7.40	9.00	23.65	
250	060250	Nguyễn Duy	Khang	05/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	6.60	8.50	23.10	
251	060251	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Khang	06/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.50	4.80	6.50	14.80	
252	060252	Nguyễn Thế	Khang	01/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	8.00	9.00	24.50	
253	060253	Nguyễn Tuấn	Khang	26/11/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.75	1.00	6.00	11.75	
254	060254	Phạm Thanh	Khang	25/02/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	5.20	3.25	14.45	
255	060255	Phạm Văn	Khang	12/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.25	6.20	6.50	16.95	
256	060256	Thông Hữu	Khang	19/08/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	6.75	5.40	6.75	19.90	
257	060257	Trần Triệu	Khang	14/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	3.80	6.50	17.05	
258	060258	Trương Bảo	Khang	31/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	4.00	7.75	17.75	
259	060259	Trương Ngọc Bảo	Khang	10/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	2.25	2.20	0.75	5.20	
260	060260	Trương Thế	Khang	16/10/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	6.40	8.00	20.65	
261	060261	Vũ An	Khang	04/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	2.20	7.50	15.45	
262	060262	Đặng Nguyễn Thế	Khanh	14/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	4.60	6.75	17.60	
263	060263	Lý Nhật	Khanh	05/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.00	7.60	8.75	24.35	
264	060264	Thông Tuấn	Khanh	13/11/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	3.25	2.60	3.75	10.60	
265	060265	Lê Nguyễn Quốc	Khánh	02/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	6.20	8.50	22.20	
266	060266	Võ Ngọc	Khánh	12/04/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.00	3.60	6.50	18.10	
267	060267	Thông Minh	Khâu	11/11/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	3.25	2.40	3.25	9.90	
268	060268	Trần Nguyễn Duy	Khiêm	24/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	6.20	8.75	21.95	
269	060269	Võ Lâm	Khiêm	21/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.00	4.80	5.25	15.05	
270	060270	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	20/03/2010	Nam	Kinh	Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	0	0	8.25	6.60	8.75	23.60	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
271	060271	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	08/09/2009	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	3.20	6.75	16.45	
272	060272	Trần Anh	Khoa	29/04/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.00	2.20	0.50	5.70	
273	060273	Thông Thị Kim	Khôe	01/08/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	7.50	2.20	3.75	14.45	
274	060274	Đặng Thành	Khôi	20/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	3.40	4.25	14.65	
275	060275	Đoàn Nguyên	Khôi	15/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	7.40	9.00	24.40	
276	060276	Huỳnh Ngọc Anh	Khôi	15/10/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	3.40	7.75	18.65	
277	060277	Huỳnh Ngọc Nguyên	Khôi	31/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	9.20	9.00	25.95	
278	060278	Nguyễn Hoàng Đăng	Khôi	08/09/2009	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	4.00	7.25	16.75	
279	060279	Nguyễn Minh	Khôi	17/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.50	3.00	5.50	13.00	
280	060280	Phùng Thế Minh	Khôi	22/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	4.40	8.50	19.15	
281	060281	Trần Nhật	Khuê	18/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	5.60	6.25	18.35	
282	060282	Thông Nhật	Khuyên	26/03/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	6.75	3.60	3.50	14.85	
283	060283	Đinh Trung	Kiên	10/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	3.20	5.00	13.45	
284	060284	Huỳnh Trung	Kiên	02/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.00	3.60	3.25	9.85	
285	060285	Nguyễn Trung	Kiên	13/04/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.75	2.60	2.50	8.85	
286	060286	Phù Vĩnh	Kiên	03/06/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	3.40	5.00	14.90	
287	060287	Trần Đoàn	Kiên	23/04/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	7.20	8.75	22.95	
288	060288	Trần Ngọc	Kiên	21/04/2010	Nam	Kinh	Phù Lý, Hà Nam	1	0	6.25	1.80	6.50	15.55	
289	060289	Trương Trung	Kiên	20/04/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	2.40	1.00	9.15	
290	060290	Mai Tuấn	Kiệt	01/02/2010	Nam	Kinh	Tánh Linh, Bình Thuận	0	0	7.75	5.00	6.75	19.50	
291	060291	Nguyễn Văn	Kiệt	16/10/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	1.50	3.00	0.25	4.75	
292	060292	Phạm Trần Thái	Kiệt	15/04/2010	Nam	Kinh	Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	0	0	7.00	5.60	5.75	18.35	
293	060293	Phạm Tuấn	Kiệt	19/05/2010	Nam	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	1	0	5.25	1.80	6.00	14.05	
294	060294	Trần Anh	Kiệt	08/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	1.75	2.00	1.50	5.25	
295	060295	Trần Anh	Kiệt	11/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.75	2.20	6.00	11.95	
296	060296	Trần Duy Tuấn	Kiệt	10/03/2010	Nam	Kinh	Tánh Linh, Bình Thuận	0	0	6.50	1.60	5.25	13.35	
297	060297	Trần Minh	Kiệt	11/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	2.20	6.25	14.20	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
298	060298	Trịnh Lương Anh	Kiệt	28/11/2009	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.75	3.40	6.25	14.40	
299	060299	Huỳnh Thị Bích	Kiều	13/07/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	5.00	8.50	20.75	
300	060300	Nguyễn Hà Mỹ	Kiều	29/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	0	0	7.00	2.80	6.50	16.30	
301	060301	Trần Thị Diễm	Kiều	20/03/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	3.40	7.50	17.90	
302	060302	Văn Thị	Kiều	08/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.00	3.60	4.00	12.60	
303	060303	Ngô Thiên	Kim	08/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.67	4.00	7.25	17.92	
304	060304	Phạm Hồ Thiên	Kim	05/07/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	5.00	7.50	19.25	
305	060305	Trương Thiên	Kim	06/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	9.00	8.20	8.00	25.20	
306	060306	Lê Tấn	Kỳ	04/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.00	2.80	4.00	11.80	
307	060307	Trần Thị Mỹ	Kỳ	06/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	4.80	6.25	16.30	
308	060308	Đặng Tường	Lam	28/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	3.00	7.25	18.00	
309	060309	Khê Nguyễn Khánh	Lam	08/08/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	3.25	2.00	2.75	9.00	
310	060310	Nguyễn Thị Ngọc	Lam	15/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.33	2.60	6.50	15.43	
311	060311	Nguyễn Phan Thùy	Lâm	12/12/2010	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	0	0	7.75	3.60	7.00	18.35	
312	060312	Nguyễn Văn	Lâm	12/04/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	1.00	1.50	9.25	
313	060313	Thông Quốc	Lâm	27/12/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	1.25	1.80	2.50	6.55	
314	060314	Võ Thành	Lâm	08/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	1.75	2.20	2.50	6.45	
315	060315	Nguyễn Thị Hồng	Lắm	21/05/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	2.00	4.50	12.50	
316	060316	Nguyễn Đặng Thụy	Lan	24/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.25	7.60	7.00	22.85	
317	060317	Phạm Ngọc	Lan	29/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	3.20	6.00	16.45	
318	060318	Thông Thị Kim	Lập	05/05/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	5.50	3.20	1.75	11.45	
319	060319	Nguyễn Trần Chi	Lê	23/10/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	2.80	7.00	15.55	
320	060320	Lê Gia	Lin	16/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	2.40	5.50	13.15	
321	060321	Thông Di	Lin	20/12/2010	Nam	Chăm	Phan Thiết, Bình Thuận	1	0	6.50	5.20	6.25	18.95	
322	060322	Dương Thị Phương	Linh	12/10/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	3.40	7.25	17.65	
323	060323	Nguyễn Huỳnh Mai	Linh	01/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	2.80	6.50	15.80	
324	060324	Nguyễn Ngọc Trúc	Linh	26/05/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	2.60	4.75	13.60	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
325	060325	Nguyễn Ngọc Trúc	Linh	29/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình thuận	0	0	6.75	3.80	6.25	16.80	
326	060326	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	27/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	4.20	5.00	15.70	
327	060327	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	26/03/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.00	2.20	1.25	7.45	
328	060328	Phạm Ngọc Tú	Linh	29/06/2010	Nữ	Cơ-ho	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	6.25	4.00	4.00	15.25	
329	060329	Trần Nguyễn Tuyết	Linh	06/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	2.00	6.00	14.50	
330	060330	Trịnh Nguyễn Phương	Linh	02/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.00	2.80	5.00	12.80	
331	060331	Trương Nguyễn Phương	Linh	11/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	3.40	7.25	18.15	
332	060332	Trương Văn Hoài	Linh	17/04/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.33	3.40	7.50	17.23	
333	060333	Trần	Linh	02/03/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.75	1.80	2.75	8.30	
334	060334	Bùi Nguyễn Gia	Lộc	17/11/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	2.40	5.25	13.15	
335	060335	Bùi Thị Kim	Lộc	04/08/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.75	3.40	6.75	18.90	
336	060336	Phạm Hoàng	Long	24/04/2009	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	6.75	5.00	7.25	20.00	
337	060337	Lại Minh	Luân	27/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	6.20	7.50	20.70	
338	060338	Ngô Đình Bảo	Luân	19/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	2.80	7.75	18.05	
339	060339	Nguyễn Hoài Vũ	Luân	20/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	4.40	8.75	19.90	
340	060340	Phạm Thành	Luân	22/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	6.80	8.00	22.30	
341	060341	Nguyễn Thành	Lực	06/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.25	1.80	4.50	10.55	
342	060342	Nguyễn Thành	Lương	19/11/2010	Nam	Kinh	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	0	0	6.25	2.60	7.75	16.60	
343	060343	Lê Gia	Ly	15/07/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.00	1.80	5.00	11.80	
344	060344	Lê Hoàng Khánh	Ly	07/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	2.80	7.00	15.80	
345	060345	Nguyễn Ngọc Khánh	Ly	11/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	2.75	1.80	5.25	9.80	
346	060346	Ung Dung Trà	Ly	10/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	5.00	6.75	18.25	
347	060347	Lê Hồ Huyền	Mai	16/05/2010	Nữ	Kinh	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	0	0	5.50	3.40	7.00	15.90	
348	060348	Ngô Thị Hương	Mai	19/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	3.80	7.75	19.05	
349	060349	Nguyễn Cao Triệu	Mẫn	16/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	7.20	7.25	22.45	
350	060350	Đào Duy	Mạnh	02/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.75	2.00	3.50	9.25	
351	060351	Lê Văn	Mạnh	20/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
352	060352	Huỳnh Phạm Như	Mây	20/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	3.20	6.25	15.70	
353	060353	Đỗ Hoàng	Minh	16/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	3.00	4.50	13.75	
354	060354	Lê Tự	Minh	25/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	3.40	6.00	15.90	
355	060355	Nguyễn Anh	Minh	18/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	6.60	8.50	22.60	
356	060356	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	22/02/2010	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	0	0	6.00	2.60	6.75	15.35	
357	060357	Lê Hà	My	12/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	9.25	9.20	9.00	27.45	
358	060358	Lê Phương	My	27/07/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.50	8.20	8.25	24.95	
359	060359	Nguyễn Huỳnh Thảo	My	03/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	2.00	7.00	15.75	
360	060360	Nguyễn Ngọc Khải	My	13/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	5.20	8.25	21.20	
361	060361	Nguyễn Thị Cẩm	My	18/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	3.00	7.25	17.00	
362	060362	Nguyễn Thị Kiều	My	16/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.50	5.20	8.00	17.70	
363	060363	Nguyễn Thị Trà	My	25/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	5.80	8.00	21.55	
364	060364	Nguyễn Trà	My	10/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	3.40	8.25	19.90	
365	060365	Nguyễn Trúc Hà	My	20/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	3.20	6.75	15.95	
366	060366	Phan Diễm Kiều	My	25/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.00	2.60	7.75	15.35	
367	060367	Trần Ngọc Diễm	My	25/05/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	2.80	8.00	17.30	
368	060368	Trần Thị	My	08/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	3.80	7.50	17.55	
369	060369	Lương Phan Chi	Mỹ	01/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	4.60	6.00	17.10	
370	060370	Nguyễn Hoài Ngọc	Mỹ	23/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	5.80	7.25	18.30	
371	060371	Võ Chi	Na	20/05/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	9.40	8.75	26.15	
372	060372	Ngô Đức Hải	Nam	14/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	6.20	8.50	21.45	
373	060373	Nguyễn Hoài	Nam	25/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	3.80	7.25	17.05	
374	060374	Nguyễn Phương	Nam	15/03/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	2.40	3.25	12.65	
375	060375	Trần Bảo	Nam	11/08/2010	Nam	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	1	0	5.00	3.20	4.75	13.95	
376	060376	Nguyễn Thị Thúy	Nga	01/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	3.20	0.75	9.20	
377	060377	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	18/09/2010	Nữ	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	0	0	6.75	3.80	7.25	17.80	
378	060378	Bùi Thị Kim	Ngà	19/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	3.00	7.50	17.25	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
379	060379	Hồ Thị Bích	Ngân	04/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	4.40	7.50	19.40	
380	060380	Huỳnh Phạm Trúc	Ngân	12/08/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	5.80	7.50	20.55	
381	060381	Lê Thị Thu	Ngân	07/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	4.20	7.00	16.95	
382	060382	Nguyễn Hồng Phương	Ngân	18/05/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.67	9.40	8.00	25.07	
383	060383	Phạm Thị Phương	Ngân	24/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	6.40	8.25	20.90	
384	060384	Phan Thúy Kiều	Ngân	14/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	4.00	6.50	16.00	
385	060385	Thông Thị Kim	Ngân	11/03/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	5.25	3.40	5.00	14.65	
386	060386	Trần Khánh	Ngân	21/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	3.00	5.50	14.75	
387	060387	Võ Thị Kim	Ngân	01/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	8.20	9.00	25.45	
388	060388	Đặng Minh	Nghĩa	29/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.00	2.60	3.50	11.10	
389	060389	Lê Trọng	Nghĩa	18/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	2.80	7.00	15.05	
390	060390	Nguyễn Thành	Nghĩa	18/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	2.20	3.00	11.20	
391	060391	Nguyễn Xuân	Nghĩa	25/02/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.50	2.00	4.00	10.50	
392	060392	Huỳnh Thị Khánh	Ngọc	19/05/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	2.20	6.00	14.45	
393	060393	Lê Bảo	Ngọc	10/12/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.00	2.00	6.50	12.50	
394	060394	Lý Lê Bảo	Ngọc	27/04/2010	Nữ	Hoa	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	7.25	4.60	8.50	21.35	
395	060395	Nguyễn Huỳnh Bích	Ngọc	16/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	5.60	8.00	21.60	
396	060396	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/06/2010	Nữ	Kinh	Tánh Linh, Bình Thuận	1	0	7.00	2.60	7.50	18.10	
397	060397	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	06/07/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	2.80	6.25	15.05	
398	060398	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	15/08/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	4.60	8.25	19.85	
399	060399	Phạm Khánh	Ngọc	10/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.50	1.80	1.50	6.80	
400	060400	Trương Hoàng Bảo	Ngọc	21/10/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	6.25	2.20	5.50	14.95	
401	060401	Hồ Ngọc Thùy	Nguyên	03/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	2.20	6.75	15.70	
402	060402	Hồ Thị Thảo	Nguyên	04/10/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	2.60	6.75	15.85	
403	060403	Huỳnh Đồng Khôi	Nguyên	10/10/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	3.00	2.00	2.00	8.00	
404	060404	Lê Khả	Nguyên	23/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	0.75	2.80	3.50	7.05	
405	060405	Nguyễn Đình Thanh	Nguyên	26/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.75	0.80	2.50	7.05	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
406	060406	Nguyễn Gia	Nguyên	21/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	4.20	6.50	17.70	
407	060407	Nguyễn Hoài Thảo	Nguyên	26/07/2010	Nữ	Rai	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	7.50	2.20	5.25	15.95	
408	060408	Nguyễn Hoàng	Nguyên	04/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	5.60	8.00	20.35	
409	060409	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	03/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	4.00	8.50	17.75	
410	060410	Nguyễn Thảo	Nguyên	29/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.50	8.80	8.50	25.80	
411	060411	Nguyễn Thùy	Nguyên	13/11/2009	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.50	4.20	3.50	13.20	
412	060412	Thông Minh	Nguyên	18/01/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	3.00	1.20	0.25	5.45	
413	060413	Trần Lâm Thảo	Nguyên	12/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	8.00	8.50	24.50	
414	060414	Ung Ngọc Thảo	Nguyên	05/05/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.17	4.20	6.25	15.62	
415	060415	Di Mai Thị	Nguyệt	07/06/2010	Nữ	Gia Rai	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	V	V	V	V	
416	060416	Nguyễn Đặng Thanh	Nhã	26/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	6.40	7.00	18.90	
417	060417	Nguyễn Thanh	Nhã	23/10/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.50	2.80	4.75	11.05	
418	060418	Lê Thị Thanh	Nhàn	21/12/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.00	3.00	6.25	13.25	
419	060419	Đỗ Hoàng Thành	Nhân	15/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	6.00	7.00	20.25	
420	060420	Lê Minh	Nhân	18/06/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.25	4.00	4.50	11.75	
421	060421	Nguyễn Duy	Nhân	16/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	2.60	5.50	13.85	
422	060422	Nguyễn Thành	Nhân	13/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	1.80	5.25	12.30	
423	060423	Nguyễn Anh	Nhật	13/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.25	2.00	3.25	9.50	
424	060424	Nguyễn Minh	Nhật	19/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	2.60	5.75	13.60	
425	060425	Nguyễn Văn Khánh	Nhật	06/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	5.20	8.75	21.45	
426	060426	Trần Minh	Nhật	10/03/2010	Nam	Kinh	Đon Dương, Lâm Đồng	1	0	4.25	3.40	6.50	15.15	
427	060427	Đặng Ngọc	Nhi	16/07/2010	Nữ	Rai	Phan Thiết, Bình Thuận	1	0	5.75	3.60	3.00	13.35	
428	060428	Đào Khả	Nhi	12/12/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	9.25	10.00	9.00	28.25	
429	060429	Hồ Thị Quỳnh	Nhi	06/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	9.00	5.40	8.50	22.90	
430	060430	Huỳnh Thị Yến	Nhi	11/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	4.00	3.75	13.75	
431	060431	Lê Thị Yến	Nhi	29/12/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	9.00	8.50	25.75	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
432	060432	Ngô Thị Bội	Nhi	18/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	2.60	3.25	11.85	
433	060433	Nguyễn Đăng Bảo	Nhi	05/08/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.00	8.40	7.50	23.90	
434	060434	Nguyễn Gia	Nhi	17/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	3.00	6.00	15.00	
435	060435	Nguyễn Hoàng	Nhi	04/03/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	3.40	6.50	15.40	
436	060436	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	28/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	6.80	7.00	20.80	
437	060437	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	07/06/2010	Nữ	Kinh	Hồng Ngự, Đồng Tháp	0	0	5.75	3.80	1.25	10.80	
438	060438	Nguyễn Thị Yến	Nhi	19/09/2010	Nữ	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	1	0	5.50	3.20	3.75	13.45	
439	060439	Nguyễn Thị Yến	Nhi	28/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	6.20	6.75	20.45	
440	060440	Nguyễn Trần Yến	Nhi	11/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.50	6.40	7.25	22.15	
441	060441	Nguyễn Vũ Yến	Nhi	04/08/2010	Nữ	Kinh	Thường Tín, Hà Nội	0	0	7.50	3.40	5.75	16.65	
442	060442	Nguyễn Xuân	Nhi	12/01/2010	Nữ	Kinh	Ngọc Hiến, Cà Mau	0	0	8.00	4.60	6.75	19.35	
443	060443	Trần Lê Ngọc	Nhi	25/05/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	3.20	6.50	16.95	
444	060444	Trần Ngọc Tuyết	Nhi	04/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	3.20	6.25	15.20	
445	060445	Trần Phạm Ngọc	Nhi	10/05/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	2.40	4.75	13.65	
446	060446	Trần Thị Yến	Nhi	09/03/2010	Nữ	Kinh	Triệu Phong, Quảng Trị	1	0	6.00	1.60	4.50	13.10	
447	060447	Khê Nguyễn Út	Nhiễm	15/04/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	7.50	5.20	6.00	19.70	
448	060448	Đỗ Phụng Bảo	Nhiên	16/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	9.00	7.60	8.75	25.35	
449	060449	Đoàn Trúc	Nhiên	23/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	2.60	7.25	17.60	
450	060450	Lê Ngọc Yên	Nhiên	09/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.50	6.40	8.50	23.40	
451	060451	Nguyễn Phan Ngọc	Nhiên	13/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	4.80	5.25	16.80	
452	060452	Nguyễn Thị Trúc	Nhiên	25/10/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.50	8.40	8.00	24.90	
453	060453	Nguyễn Thị Trúc	Nhiên	26/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	6.40	9.00	22.90	
454	060454	Nguyễn Xuân	Nhiên	11/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	5.00	6.25	17.50	
455	060455	Trần Hà An	Nhiên	15/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	4.20	6.00	16.70	
456	060456	Cao Thị Mỹ	Như	22/02/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	7.75	6.60	8.25	23.60	
457	060457	Huỳnh Ngọc Bảo	Như	30/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.00	6.40	8.25	22.65	
458	060458	Lê Trâm	Như	24/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	3.00	6.75	16.00	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
459	060459	Ngô Trần Cẩm	Như	25/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.00	2.80	1.75	8.55	
460	060460	Nguyễn Gia	Như	10/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	3.00	6.75	17.25	
461	060461	Nguyễn Hồng Tổ	Như	16/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	2.00	3.25	12.25	
462	060462	Nguyễn Ngọc Bảo	Như	02/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	3.80	4.00	13.80	
463	060463	Nguyễn Thị Kiều	Như	18/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	4.40	7.25	19.15	
464	060464	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	05/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	7.20	6.50	20.95	
465	060465	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	01/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.75	5.20	7.00	20.95	
466	060466	Nguyễn Vũ Quỳnh	Như	17/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	3.00	6.25	16.50	
467	060467	Trần Nguyễn Bảo	Như	05/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	4.00	6.75	17.00	
468	060468	Trần Thị Quỳnh	Như	14/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	5.80	8.25	22.30	
469	060469	Vũ Quỳnh	Như	22/02/2010	Nữ	Kinh	Định Quán, Đồng Nai	0	0	5.75	4.80	6.50	17.05	
470	060470	Đặng Thùy Tuyết	Nhung	03/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	2.00	6.00	13.75	
471	060471	Nguyễn Hồng	Nhung	12/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	4.80	7.00	18.80	
472	060472	Trần Xuân	Ni	13/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.75	1.80	0.50	6.05	
473	060473	Hàn Trần Hồng	Phấn	24/12/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	8.00	7.00	22.25	
474	060474	Đinh Kỳ	Pháp	21/06/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.00	8.40	9.00	25.40	
475	060475	Lê Bá	Phát	01/03/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	7.60	7.00	21.85	
476	060476	Lê Tấn	Phát	26/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.75	9.40	9.00	27.15	
477	060477	Nguyễn Hữu	Phát	25/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	9.20	9.00	25.20	
478	060478	Phạm Xuân	Phát	19/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.50	8.40	8.50	25.40	
479	060479	Trịnh Đình	Phi	06/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	2.00	0.50	7.75	
480	060480	Võ Đoàn Hồng	Phi	21/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.50	2.00	0.75	7.25	
481	060481	Bùi Thanh	Phong	22/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	4.20	8.50	19.45	
482	060482	Bùi Thanh	Phong	10/04/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.00	3.00	2.75	10.75	
483	060483	Lê Anh	Phong	10/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.00	2.00	3.50	8.50	
484	060484	Nguyễn Lê Đăng	Phong	06/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	4.20	8.00	19.20	
485	060485	Nguyễn Phan Thanh	Phong	12/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.75	3.60	5.00	13.35	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
486	060486	Nguyễn Quang	Phong	19/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	4.00	8.75	18.50	
487	060487	Thông Hoài	Phong	29/05/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	4.50	2.00	4.00	11.50	
488	060488	Nguyễn Hồng	Phú	15/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	3.80	9.00	19.80	
489	060489	Nguyễn Ngọc	Phú	31/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.00	1.60	2.00	6.60	
490	060490	Trần Quốc	Phú	04/04/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	1.20	5.00	11.45	
491	060491	Đình Trọng	Phúc	06/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	7.20	9.25	24.70	
492	060492	Lê Thanh	Phúc	08/06/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	9.00	9.50	25.75	
493	060493	Nguyễn Hồng	Phúc	26/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	6.00	8.00	21.00	
494	060494	Trương Thanh	Phúc	22/07/2010	Nam	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	0	0	5.25	1.40	5.50	12.15	
495	060495	Huỳnh Nguyễn Như	Phụng	20/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	9.20	8.75	25.70	
496	060496	Lâm Kim	Phụng	25/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	9.00	8.50	25.75	
497	060497	Trương Quang Kim	Phụng	31/05/2010	Nữ	Kinh	Tánh Linh, Bình Thuận	1	0	6.25	3.00	6.25	16.50	
498	060498	Đặng Ngọc	Phước	28/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	3.20	8.00	17.45	
499	060499	Nguyễn Lê Hữu	Phước	09/10/2010	Nam	Kinh	Đức Linh, Bình Thuận	0	0	7.25	4.00	6.25	17.50	
500	060500	Đặng Khánh	Phương	22/04/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	6.40	8.50	21.40	
501	060501	Đặng Ngọc Yến	Phương	09/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.50	1.80	7.75	15.05	
502	060502	Nguyễn Thị Kiều	Phương	12/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	3.20	7.00	16.20	
503	060503	Nguyễn Thị Thảo	Phương	03/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	5.40	8.00	19.90	
504	060504	Nguyễn Trần Ánh	Phương	04/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.75	5.60	9.00	23.35	
505	060505	Phạm Lê Bình	Phương	08/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.50	2.80	5.25	13.55	
506	060506	Lê Trần Thanh	Phượng	25/05/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	2.20	4.25	13.45	
507	060507	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	08/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	4.60	7.50	19.35	
508	060508	Nguyễn Thị Kim	Phượng	10/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	3.20	4.25	14.45	
509	060509	Đặng Cao Thanh	Quân	12/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	2.40	2.75	11.40	
510	060510	Hầu Mạnh	Quân	21/10/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.00	8.00	9.00	25.00	
511	060511	K Trần Minh	Quân	26/08/2010	Nam	Cơ-ho	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	4.75	2.00	5.50	13.25	
512	060512	Nguyễn Văn	Quân	26/04/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	6.00	7.50	20.50	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
513	060513	Phạm Hoàng	Quân	15/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.75	9.40	9.00	27.15	
514	060514	Phạm Minh	Quân	11/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	6.60	8.25	22.10	
515	060515	Nguyễn Văn	Quang	05/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	1.50	2.80	0.50	4.80	
516	060516	Huỳnh Gia	Quốc	22/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	3.80	6.00	17.30	
517	060517	Lê Nhật	Quốc	30/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	1.60	6.25	14.60	
518	060518	Nguyễn	Quốc	19/12/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	1.25	1.60	1.50	4.35	
519	060519	Trần Anh	Quốc	17/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	3.40	6.25	15.90	
520	060520	Trương Minh	Quốc	15/02/2009	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	1.00	2.40	1.50	4.90	
521	060521	Nguyễn Thị Thu	Quyên	12/11/2010	Nữ	Kinh	Phan thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	6.20	8.50	22.70	
522	060522	Nguyễn Thị Xuân	Quyên	07/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.50	5.20	6.25	16.95	
523	060523	Phan Thị Thúy	Quyên	18/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	3.00	4.50	13.50	
524	060524	Thông Kim Nhã	Quyên	20/07/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	8.50	6.80	8.50	24.80	
525	060525	Trương Trần Tú	Quyên	03/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	1.80	4.25	13.30	
526	060526	Chu Đức	Quyên	15/02/2010	Nam	Tày	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	4.50	1.00	3.25	9.75	
527	060527	Nguyễn Thanh	Quyên	16/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	2.00	2.75	10.00	
528	060528	Phạm Bích	Quyên	08/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	7.60	8.50	23.85	
529	060529	Phạm Thị Kim	Quyên	23/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	2.60	4.75	12.85	
530	060530	Huỳnh Lê Khánh	Quỳnh	18/10/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	2.80	7.25	16.30	
531	060531	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	21/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	2.60	6.75	17.10	
532	060532	Phạm Như	Quỳnh	03/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.75	9.00	9.25	27.00	
533	060533	Trần Diễm	Quỳnh	03/07/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	7.60	7.75	23.60	
534	060534	Trần Ngọc	Quỳnh	12/01/2009	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	2.50	2.80	0.50	5.80	
535	060535	Trần Phương	Quỳnh	15/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	5.80	8.00	21.05	
536	060536	Võ Lê Khánh	Quỳnh	05/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	2.60	6.00	15.60	
537	060537	Trần Bảo	Sâm	02/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	2.60	7.25	16.60	
538	060538	Nguyễn Tấn	Sang	26/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.00	1.80	0.75	5.55	
539	060539	Thông Văn	Sang	25/12/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	5.75	4.20	6.50	17.45	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
540	060540	Trần Tấn Thùy	Sang	26/08/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.00	8.00	8.50	24.50	
541	060541	Trần Thanh	Sang	12/07/2010	Nam	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	0	0	6.50	2.60	4.25	13.35	
542	060542	Trần Thanh	Sang	20/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
543	060543	Đinh Thị Hoài	Sen	18/05/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	5.00	6.00	18.50	
544	060544	Đặng Giang	Sơn	13/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	1	0	6.00	5.00	7.75	19.75	
545	060545	Lâm Tiến	Sơn	07/07/2009	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	3.40	3.75	12.65	
546	060546	Trần Nhật	Sơn	29/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	1.00	1.20	3.25	5.45	
547	060547	Đỗ Thị An	Sương	03/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	4.20	6.00	16.45	
548	060548	Đào Duy	Tài	12/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	2.60	5.75	14.85	
549	060549	Huỳnh Xuân	Tài	06/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	2.20	4.50	12.70	
550	060550	Nguyễn Hữu	Tài	01/03/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	3.40	6.25	16.65	
551	060551	Nguyễn Hữu	Tài	05/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.00	2.20	2.25	7.45	
552	060552	Phạm Đức	Tài	12/11/2010	Nam	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	1	0	3.50	2.20	5.25	11.95	
553	060553	Trần Anh	Tài	20/11/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	5.00	7.50	19.25	
554	060554	Trần Đình	Tài	25/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	1.60	5.50	13.60	
555	060555	Trần Tấn	Tài	25/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.75	7.00	8.25	24.00	
556	060556	Trịnh Thái	Tài	25/03/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	5.00	5.75	16.50	
557	060557	Hoàng Thị Minh	Tâm	28/10/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	8.50	4.20	5.25	18.95	
558	060558	Nguyễn Minh	Tâm	13/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	3.80	5.25	14.80	
559	060559	Bùi Nhật	Tân	07/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	5.00	7.50	19.50	
560	060560	Vũ Nhật	Tân	14/03/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	5.75	2.60	5.50	14.85	
561	060561	Huỳnh Đỗ Công	Tấn	17/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	4.80	8.50	19.05	
562	060562	Võ Ngọc	Thạch	09/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	2.80	5.75	14.05	
563	060563	Nguyễn Quốc	Thái	28/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.25	2.20	4.50	9.95	
564	060564	Nguyễn Vũ Ngọc	Thái	30/11/2010	Nam	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	0	0	6.50	3.20	7.75	17.45	
565	060565	Võ Hồng Quốc	Thái	28/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	2.20	6.25	15.20	
566	060566	Đặng Thị Ngọc	Thắm	16/12/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	2.80	6.50	16.30	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
567	060567	Nguyễn Thị Xuân	Thấm	17/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.50	3.80	2.00	9.30	
568	060568	Phạm Thị Hồng	Thấm	14/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	4.80	6.25	18.05	
569	060569	Trần Chê	Thân	05/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	8.20	9.00	24.95	
570	060570	Nguyễn Văn	Thắng	18/10/2009	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	5.00	3.00	4.50	13.50	
571	060571	Đặng Thị Kim	Thanh	10/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	3.80	6.25	15.80	
572	060572	Huỳnh Ngọc Đan	Thanh	29/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	5.00	6.75	19.50	
573	060573	Lê	Thanh	05/12/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	3.40	6.25	16.15	
574	060574	Nguyễn Chí	Thanh	11/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	4.00	7.50	17.25	
575	060575	Nguyễn Duy	Thanh	02/04/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	9.20	9.00	25.95	
576	060576	Võ Bích	Thanh	12/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	1.80	5.25	12.80	
577	060577	Bảo Quốc	Thành	26/08/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	4.75	2.60	2.75	11.10	
578	060578	Đào Ngọc	Thành	22/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	5.40	6.00	19.15	
579	060579	Nguyễn Tấn	Thành	24/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	6.80	8.00	22.80	
580	060580	Trần Minh	Thành	17/03/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	7.20	9.00	24.20	
581	060581	Đào Thị Bích	Thảo	25/07/2010	Nữ	Kinh	Tân Phú, Đồng Nai	0	0	7.75	2.20	5.00	14.95	
582	060582	Đỗ Khắc	Thảo	01/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	6.20	8.75	21.20	
583	060583	Lương Thạch	Thảo	29/05/2010	Nữ	Kinh	Đức Phổ, Quảng Ngãi	0	0	8.25	8.20	8.00	24.45	
584	060584	Ngô Phương Hoài	Thảo	01/05/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	3.40	6.50	17.15	
585	060585	Nguyễn Ngọc	Thảo	18/10/2010	Nữ	Kinh	Hoa Lư, Ninh Bình	1	0	5.25	2.60	2.75	11.60	
586	060586	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.50	2.60	4.00	11.10	
587	060587	Trần Thị Ngọc	Thảo	26/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	1.50	2.00	3.25	6.75	
588	060588	Lâm Bảo	Thị	14/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.92	4.60	6.50	18.02	
589	060589	Nguyễn Anh	Thị	05/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	2.00	3.50	11.50	
590	060590	Nguyễn Chí	Thiên	17/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	6.80	8.00	22.05	
591	060591	Phan Nhật	Thiên	22/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	7.20	8.25	21.45	
592	060592	Trương Kim	Thiên	28/08/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	7.20	7.50	21.20	
593	060593	Vũ Văn	Thiên	01/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	7.40	9.00	24.40	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
594	060594	Hồ Uyên Như	Thiện	22/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	9.00	9.60	9.00	27.60	
595	060595	Ngô Quốc	Thiện	24/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.75	1.40	1.50	7.65	
596	060596	Nguyễn Hữu	Thiện	23/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	8.20	8.75	25.20	
597	060597	Nguyễn Minh	Thiện	14/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	4.60	7.25	17.85	
598	060598	Nguyễn Ngọc	Thiện	19/02/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	3.20	2.25	11.95	
599	060599	Nguyễn Ngọc	Thiện	01/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.50	3.20	8.25	15.95	
600	060600	Tăng Bình	Thiện	07/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	4.80	8.50	21.30	
601	060601	Trần Ché	Thiện	05/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	8.00	8.25	22.75	
602	060602	Thông Xuân	Thiệp	09/02/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	2.75	1.00	3.00	7.75	
603	060603	Đình Công	Thịnh	03/02/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	6.40	7.25	20.90	
604	060604	Nguyễn Phước	Thịnh	25/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	5.80	8.00	20.30	
605	060605	Nguyễn Thái	Thịnh	12/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	2.80	6.75	15.80	
606	060606	Huỳnh Thị Kim	Thơ	12/03/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	4.80	7.00	18.55	
607	060607	Nguyễn Hữu	Thọ	06/02/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	3.80	6.50	17.05	
608	060608	Lương Ngọc	Thoại	08/02/2010	Nam	Chăm	Phan Thiết, Bình Thuận	1	0	7.50	4.00	8.25	20.75	
609	060609	Huỳnh Văn	Thông	20/11/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	4.00	8.25	19.00	
610	060610	Lê Trọng Thiện	Thông	20/11/2009	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	2.00	6.50	14.75	
611	060611	Phan Minh	Thông	06/11/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	2.50	1.80	0.25	4.55	
612	060612	Đặng Thị Anh	Thư	15/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.00	1.80	0.75	7.55	
613	060613	Đào Thị Xuân	Thư	14/12/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	2.60	1.75	11.35	
614	060614	Lê Thị Anh	Thư	31/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	6.40	7.75	21.65	
615	060615	Lương Thị Anh	Thư	18/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	2.20	1.50	8.95	
616	060616	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	06/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	7.00	7.75	22.25	
617	060617	Nguyễn Quỳnh Anh	Thư	18/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.42	4.60	8.50	21.52	
618	060618	Nguyễn Thị Minh	Thư	14/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	6.40	7.00	20.40	
619	060619	Phạm Anh	Thư	08/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	1.80	5.00	12.80	
620	060620	Phạm Anh	Thư	01/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	3.20	7.75	18.45	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
621	060621	Phạm Thị Minh	Thư	05/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	4.60	6.75	18.60	
622	060622	Thái Minh	Thư	27/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	3.60	6.25	17.60	
623	060623	Trần Thị Anh	Thư	26/05/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	4.00	6.00	17.00	
624	060624	Trần Thị Khánh	Thư	05/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.75	6.00	6.75	21.50	
625	060625	Lê Bảo	Thuận	08/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	5.60	7.25	19.60	
626	060626	Lê Huỳnh Bình	Thuận	05/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	2.80	7.75	17.55	
627	060627	Nguyễn Ngọc	Thuận	24/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.00	2.20	3.75	9.95	
628	060628	Nguyễn Trọng	Thuận	22/03/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	3.20	6.25	15.20	
629	060629	Nguyễn Võ Bích	Thuận	12/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.50	2.40	6.00	12.90	
630	060630	Nguyễn Trần Trọng	Thức	04/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	5.20	8.25	20.95	
631	060631	Ngũ Thành Thu	Thương	11/10/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.25	9.40	8.00	25.65	
632	060632	Nguyễn Đặng Hoài	Thương	28/01/2010	Nữ	Kinh	Gò Công, Tiền Giang	0	0	6.75	5.00	7.50	19.25	
633	060633	Trần Thị Thanh	Thúy	10/12/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	4.00	8.75	20.50	
634	060634	La Trang	Thùy	03/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	3.60	5.75	15.60	
635	060635	Mai Nguyễn Hồng	Thùy	08/03/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	3.80	6.50	15.80	
636	060636	Ngô Trần Phương	Thùy	29/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	8.60	8.50	24.10	
637	060637	Nguyễn Lê Minh	Thùy	20/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	7.00	7.50	22.25	
638	060638	Trần Thanh	Thùy	19/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	2.60	1.50	9.85	
639	060639	Trần Thị Bích	Thùy	05/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.50	2.60	3.75	11.85	
640	060640	Trần Thị Thanh	Thùy	20/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.00	6.60	9.00	23.60	
641	060641	Trương Phương	Thùy	27/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	4.60	7.50	18.60	
642	060642	Đặng Bảo	Thy	02/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	6.00	8.00	21.50	
643	060643	Đoàn Trần Khánh	Thy	03/12/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	4.20	7.25	18.95	
644	060644	Ngô Thị Anh	Thy	30/08/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	4.20	6.50	17.95	
645	060645	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	08/08/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	2.80	6.50	15.80	
646	060646	Nguyễn Nhật	Thy	12/12/2010	Nữ	Kinh	Bình Thuận	0	0	7.00	3.80	7.75	18.55	
647	060647	Nguyễn Thị Mai	Thy	22/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.50	5.80	7.50	21.80	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
648	060648	Bùi Thị Thủy	Tiên	19/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.00	6.80	8.50	23.30	
649	060649	Đặng Ngọc Thủy	Tiên	09/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	6.20	8.00	21.70	
650	060650	Lê Long	Tiên	15/03/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	3.40	2.50	11.65	
651	060651	Lê Thị Triều	Tiên	26/10/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.25	2.60	2.25	9.10	
652	060652	Lương Ngọc Diễm	Tiên	18/12/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	6.40	8.75	22.15	
653	060653	Nguyễn Hoàng Trúc	Tiên	16/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	8.00	9.00	25.00	
654	060654	Nguyễn Thị Bình	Tiên	24/10/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	4.60	7.00	18.85	
655	060655	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	05/06/2010	Nữ	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	1	0	5.00	2.20	4.75	12.95	
656	060656	Trần Thị Thuỷ	Tiên	11/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	2.60	7.25	17.10	
657	060657	Trần Thủy	Tiên	30/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.50	3.00	5.25	11.75	
658	060658	Võ Thị Thủy	Tiên	03/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.67	5.60	7.75	20.02	
659	060659	Huỳnh Ngọc	Tiến	17/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	3.80	7.25	17.80	
660	060660	Nguyễn Ngọc	Tiến	25/11/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.25	1.60	0.75	5.60	
661	060661	Thái Việt	Tiến	13/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	1.75	4.40	4.25	10.40	
662	060662	Phạm Anh	Tiền	28/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	5.60	7.00	18.60	
663	060663	Trần Thị Mỹ	Tiền	28/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	5.40	4.00	15.40	
664	060664	Đoàn Nguyên	Tin	28/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	6.60	8.50	20.85	
665	060665	Huỳnh Thị Mỹ	Tính	28/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	4.80	7.50	19.55	
666	060666	Phan Thanh	Tính	09/03/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	7.40	8.50	23.65	
667	060667	Huỳnh Anh	Tĩnh	09/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.00	1.80	2.75	7.55	
668	060668	Nguyễn Thanh	Tịnh	29/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.00	2.40	6.25	13.65	
669	060669	Đỗ Thái	Toàn	15/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	2.60	5.00	13.35	
670	060670	Lê Ngọc Khánh	Toàn	22/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	4.40	8.25	20.40	
671	060671	Nguyễn Minh	Toàn	26/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.00	1.80	0.50	7.30	
672	060672	Nguyễn Nhật Minh	Toàn	26/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	7.60	8.25	22.35	
673	060673	Thông Minh	Toàn	19/06/2010	Nam	Chăm	Phan Thiết, Bình Thuận	1	0	6.75	4.20	6.50	18.45	
674	060674	Trần Thanh	Toàn	22/11/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.00	2.40	3.00	9.40	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
675	060675	Đặng Nguyễn Bảo	Trâm	02/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	4.00	6.50	16.50	
676	060676	Huỳnh Ngọc	Trâm	05/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	3.40	7.50	17.90	
677	060677	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	10/07/2009	Nữ	Kinh	Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	0	0	4.75	2.20	3.00	9.95	
678	060678	Nguyễn Thị Bích	Trâm	23/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.50	7.80	9.00	25.30	
679	060679	Nguyễn Võ Ngọc	Trâm	16/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	8.00	8.00	23.75	
680	060680	Phạm Thùy	Trâm	18/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	6.00	8.25	22.50	
681	060681	Thông Thị Bích	Trâm	04/05/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	7.50	5.00	7.75	21.25	
682	060682	Thông Thị Ngọc	Trâm	14/06/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	5.50	2.20	4.25	12.95	
683	060683	Trần Bùi Bích	Trâm	22/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.00	3.80	7.75	16.55	
684	060684	Trần Thị Bích	Trâm	29/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	3.80	7.75	18.30	
685	060685	Trần Thị Bích	Trâm	26/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.00	7.40	8.50	23.90	
686	060686	Thái Thị Bích	Trâm	29/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	9.40	8.25	25.40	
687	060687	Nguyễn Huyền	Trân	22/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.50	3.20	8.00	15.70	
688	060688	Phạm Nguyễn Ngọc	Trân	19/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	8.00	7.25	23.00	
689	060689	Phạm Thị Ngọc	Trân	08/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	8.00	6.25	21.50	
690	060690	Phạm Trần Ngọc	Trân	24/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	5.40	6.25	19.15	
691	060691	Ung Bảo	Trân	01/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	3.60	5.75	15.85	
692	060692	Võ Thị Ngọc	Trân	13/03/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	4.40	7.25	18.65	
693	060693	Bùi Thu	Trang	17/05/2010	Nữ	Kinh	Thủ Dầu Một, Bình Dương	0	0	7.75	6.00	8.50	22.25	
694	060694	Đặng Thị Huyền	Trang	09/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	4.60	6.75	18.10	
695	060695	Lê Ngọc Quỳnh	Trang	01/03/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	1	0	8.50	5.40	8.25	23.15	
696	060696	Lê Nguyễn Thùy	Trang	14/03/2009	Nữ	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	1	0	5.00	2.40	4.50	12.90	
697	060697	Ngô Hồng	Trang	11/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	3.00	7.00	17.00	
698	060698	Nguyễn Hoàng Huyền	Trang	08/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	3.20	7.00	17.45	
699	060699	Nguyễn Võ Thùy	Trang	09/05/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	4.40	7.25	17.90	
700	060700	Phan Thị Thùy	Trang	06/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	2.60	7.25	16.35	
701	060701	Thông Thị Thu	Trang	07/01/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	8.25	5.00	7.50	21.75	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
702	060702	Bùi Hữu Trí		08/12/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.50	2.00	6.75	13.25	
703	060703	Lê Anh Gia Bảo		01/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	7.80	8.00	22.30	
704	060704	Lê Minh Trí		18/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	2.00	5.00	12.75	
705	060705	Lê Nhật Trung		31/10/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	2.60	2.50	10.60	
706	060706	Nguyễn Minh Trí		14/08/2009	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
707	060707	Trần Thanh Trí		27/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	6.40	8.75	22.40	
708	060708	Trương Lâm Thành		18/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	9.40	9.00	26.40	
709	060709	Nguyễn Ngọc Triền		13/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	1.75	1.40	1.75	4.90	
710	060710	Lê Minh Triết		20/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	8.60	8.50	24.60	
711	060711	Đào Duy Triều		11/11/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.50	1.40	5.50	10.40	
712	060712	Đoàn Minh Triều		20/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	2.80	5.50	15.55	
713	060713	Huỳnh Phúc Triều		12/05/2009	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.00	2.20	3.25	10.45	
714	060714	Lê Thị Ngọc Triều		04/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.50	6.60	8.25	23.35	
715	060715	Trần Minh Hiền Triều		06/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	2.00	8.25	16.25	
716	060716	Nguyễn Vĩ Triều		29/12/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	2.00	7.00	16.00	
717	060717	Huỳnh Thị Phương Trinh		28/09/2009	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	4.80	7.50	18.80	
718	060718	Lê Thị Ngọc Trinh		15/04/2010	Nữ	Rai	Đức Trọng, Lâm Đồng	1	0	4.00	2.20	3.50	10.70	
719	060719	Lê Văn Trinh		05/06/2010	Nam	Kinh	Quận 1, Hồ Chí Minh	0	0	2.75	1.80	3.25	7.80	
720	060720	Lương Phương Trinh		25/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	5.40	8.25	20.65	
721	060721	Ngô Hồng Trinh		11/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	4.60	8.00	19.85	
722	060722	Nguyễn Thị Thảo Trinh		05/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	5.80	7.00	20.05	
723	060723	Phạm Thị Diễm Trinh		09/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.00	2.40	2.75	10.15	
724	060724	Trần Thị Yến Trinh		10/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.50	7.60	8.50	24.60	
725	060725	Nguyễn Nhật Trinh		11/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	5.40	8.50	21.15	
726	060726	Trần Công Trinh		17/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	4.20	7.00	18.20	
727	060727	Võ Đăng Trinh		10/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	8.80	7.25	23.55	
728	060728	Đình Nguyễn Minh Trọng		03/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	2.80	8.00	16.55	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
729	060729	Lê Quốc	Trọng	20/03/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.00	1.60	0.50	5.10	
730	060730	Nguyễn Thanh	Trọng	29/03/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	2.60	8.00	16.10	
731	060731	Phan Thanh	Trọng	24/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.75	1.60	1.25	6.60	
732	060732	Trần	Trọng	04/03/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	4.60	4.50	14.60	
733	060733	Võ Văn	Trọng	29/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.75	1.80	4.50	10.05	
734	060734	Bùi Thanh	Trúc	13/09/2010	Nữ	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	0	0	5.25	2.20	4.50	11.95	
735	060735	Hồ Ngọc Thủy	Trúc	13/12/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	4.40	7.25	18.65	
736	060736	Huỳnh Thị Kim	Trúc	25/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	3.20	7.50	17.70	
737	060737	Lê Thanh	Trúc	23/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	2.60	6.25	16.35	
738	060738	Nguyễn Khánh	Trúc	13/04/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	2.50	2.60	0.25	5.35	
739	060739	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	04/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.50	2.60	7.50	18.60	
740	060740	Nguyễn Vũ Anh	Trúc	13/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	5.80	9.00	22.80	
741	060741	Phạm Thị Thanh	Trúc	02/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	2.80	4.00	12.05	
742	060742	Thông Thị Khánh	Trúc	17/09/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	7.50	4.40	8.25	21.15	
743	060743	Trần Thanh	Trúc	20/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	1.40	5.00	14.15	
744	060744	Lê Thường Nguyên	Trúc	31/03/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	9.20	9.00	25.95	
745	060745	Lê Tuấn	Trung	29/12/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.00	5.60	2.75	12.35	
746	060746	Ngô Dương Đức	Trung	03/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.00	2.00	2.25	8.25	
747	060747	Võ Tấn	Trung	24/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.75	2.20	6.00	12.95	
748	060748	Nguyễn Nhật	Trường	05/11/2009	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	1.25	1.80	0.75	3.80	
749	060749	Nguyễn Nhật	Trường	29/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	3.80	7.25	16.30	
750	060750	Nguyễn Văn	Trường	10/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	3.00	3.25	12.75	
751	060751	Phạm Ngọc	Trường	23/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	2.00	6.75	15.50	
752	060752	Phạm Tấn	Trường	12/01/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.25	6.20	8.25	22.70	
753	060753	Trần Xuân	Trường	28/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	3.80	5.75	16.30	
754	060754	Nguyễn Thị Bích	Truyền	03/10/2009	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	3.40	4.25	15.15	
755	060755	Lê Quốc Anh	Tú	31/08/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.00	1.60	3.50	8.10	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
756	060756	Trần Ngọc Thiên	Tú	14/02/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	3.20	5.25	14.70	
757	060757	Trần Trịnh Thanh	Tú	15/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.50	9.60	8.25	26.35	
758	060758	Lương Ngọc	Tuấn	12/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	2.20	3.00	12.20	
759	060759	Nguyễn Anh	Tuấn	16/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	1.00	1.60	0.25	2.85	
760	060760	Nguyễn Huy	Tuấn	14/04/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.00	2.40	2.00	9.40	
761	060761	Nguyễn Lê Mạnh	Tuấn	25/08/2010	Nam	Kinh	Bà Rịa, Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	6.00	3.20	6.25	15.45	
762	060762	Trịnh Anh	Tuấn	02/04/2010	Nam	Kinh	Mỹ Đức, Hà Nội	0	0	5.75	4.80	7.00	17.55	
763	060763	Trương Anh	Tuấn	07/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.00	2.60	5.25	11.85	
764	060764	Võ Trần Anh	Tuấn	27/07/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	2.25	3.20	2.00	7.45	
765	060765	Khê Thanh	Tùng	06/08/2010	Nam	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	4.00	2.20	2.75	9.95	
766	060766	Phan Thanh	Tùng	04/12/2010	Nam	Kinh	La Gi, Bình Thuận	0	0	5.42	6.00	8.00	19.42	
767	060767	Ung Lê Khánh	Tùng	02/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	6.20	6.50	18.95	
768	060768	Huỳnh Ngọc	Tường	10/12/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.75	1.00	0.25	5.00	
769	060769	Lê Tấn	Tường	20/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.00	4.80	5.00	14.80	
770	060770	Nguyễn Chí	Tường	05/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.75	1.80	4.00	9.55	
771	060771	Nguyễn Ngọc Cát	Tường	30/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	2.00	3.40	5.75	11.15	
772	060772	Nguyễn Trần Khánh	Tuyên	20/10/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	4.60	6.25	16.85	
773	060773	Đặng Kim	Tuyền	28/08/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	5.80	8.25	20.55	
774	060774	Lê Thị Bích	Tuyền	16/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	4.20	4.25	14.95	
775	060775	Lê Thị Bích	Tuyền	12/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	5.40	8.25	20.65	
776	060776	Trần Phạm Lâm	Tuyền	02/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	9.00	9.80	9.25	28.05	
777	060777	Đỗ Thị Thảo	Uyên	20/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	7.50	3.00	6.00	17.50	
778	060778	Lê Nhã	Uyên	29/04/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	9.00	8.80	8.25	26.05	
779	060779	Mã Huỳnh Ngọc	Uyên	10/04/2010	Nữ	Chăm	Phan Thiết, Bình Thuận	1	0	7.50	4.00	6.25	18.75	
780	060780	Mang Thị Bích	Uyên	28/04/2010	Nữ	Rai	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	7.25	3.00	6.25	17.50	
781	060781	Ngô Thị Bảo	Uyên	05/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	7.20	8.00	23.45	
782	060782	Nguyễn Huyền Thảo	Uyên	08/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	6.60	8.25	22.60	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
783	060783	Nguyễn Huỳnh Bảo	Uyên	11/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	5.80	5.50	17.05	
784	060784	Nguyễn Nhật	Uyên	24/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	4.40	6.75	17.90	
785	060785	Nguyễn Trần Nhã	Uyên	07/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.17	2.80	7.75	17.72	
786	060786	Thông Thanh Tú	Uyên	01/01/2010	Nữ	Chăm	Phan Thiết, Bình Thuận	1	0	7.50	2.60	5.00	16.10	
787	060787	Thông Thị Kim	Uyên	02/01/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	6.50	3.00	7.75	18.25	
788	060788	Huỳnh Nhã	Vân	08/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.50	6.60	7.75	22.85	
789	060789	Lê Nguyễn Hồng	Vân	17/10/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.50	4.40	6.25	17.15	
790	060790	Nguyễn Hà Khánh	Vân	27/05/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	5.20	7.25	19.70	
791	060791	Nguyễn Thị Tường	Vân	03/11/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	2.20	4.50	11.95	
792	060792	Trần Nhất	Vàng	17/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	1.75	2.20	5.50	9.45	
793	060793	Lê Huỳnh Hà	Vi	23/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	4.20	6.75	18.45	
794	060794	Thanh Thị Khánh	Vi	03/05/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	6.00	4.40	6.75	18.15	
795	060795	Võ Phương	Vi	13/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	5.80	8.25	21.30	
796	060796	Nguyễn Xuân	Vĩ	20/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	2.60	7.00	14.85	
797	060797	Lê Quốc	Việt	22/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	4.80	7.50	19.05	
798	060798	Từ Nhật	Việt	24/02/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	6.00	2.80	5.50	15.30	
799	060799	Trương Quang	Vinh	25/04/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.25	2.20	0.50	6.95	
800	060800	Võ Huỳnh Thiện	Vinh	28/03/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.25	1.80	0.50	5.55	
801	060801	Huỳnh Phi	Vũ	17/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	2.50	2.40	0.50	5.40	
802	060802	Lương Thanh	Vũ	07/09/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	4.20	5.75	15.20	
803	060803	Lương Triệu	Vũ	08/03/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.75	7.60	9.00	24.35	
804	060804	Nguyễn Hoàng	Vũ	01/05/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.50	2.40	4.50	12.40	
805	060805	Tăng Bình	Vũ	11/06/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	3.20	7.00	17.70	
806	060806	Hồng	Vương	18/04/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.75	4.60	6.50	16.85	
807	060807	Lê	Vương	05/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.00	2.80	2.25	9.05	
808	060808	Ngô Gia	Vương	08/12/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	1.80	8.25	16.05	
809	060809	Nguyễn Duy	Vương	06/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
810	060810	Nguyễn Xuân	Vương	30/12/2009	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	1.25	2.40	0.00	3.65	
811	060811	Võ Anh	Vương	08/03/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	1.40	4.00	12.15	
812	060812	Võ Quốc	Vương	21/11/2010	Nam	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	3.50	2.40	1.25	7.15	
813	060813	Thông Thị	Vương	05/04/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	7.00	4.20	6.75	18.95	
814	060814	Nguyễn Quốc	Vương	23/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.75	2.00	4.75	10.50	
815	060815	Lê Phương Khánh	Vy	22/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.50	5.20	8.00	21.70	
816	060816	Mai Trường	Vy	20/12/2010	Nam	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	5.25	3.60	8.25	17.10	
817	060817	Nguyễn Hạ Bảo	Vy	24/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	2.20	7.00	16.20	
818	060818	Nguyễn Thị Hải	Vy	30/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.25	4.20	6.50	16.95	
819	060819	Nguyễn Thị Tiểu	Vy	19/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.75	7.40	7.50	23.65	
820	060820	Nguyễn Trương Hạ	Vy	11/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	3.20	6.25	15.45	
821	060821	Nguyễn Tường	Vy	11/12/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	2.25	3.60	7.25	13.10	
822	060822	Phạm Khánh	Vy	20/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	7.00	7.25	21.00	
823	060823	Phan Tường	Vy	26/05/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.50	4.40	5.50	17.40	
824	060824	Trần Bảo Tường	Vy	30/09/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.00	4.20	6.75	14.95	
825	060825	Trần Khánh	Vy	15/07/2010	Nữ	Chăm	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	1	0	7.50	3.20	4.50	16.20	
826	060826	Trần Lê Đông	Vy	02/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	3.80	6.50	18.05	
827	060827	Trần Mai Khánh	Vy	21/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.25	0.80	3.75	7.80	
828	060828	Trần Thảo	Vy	07/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	7.00	8.00	23.00	
829	060829	Trần Thị Thảo	Vy	16/03/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.00	4.00	4.75	15.75	
830	060830	Võ Hoàng Bảo	Vy	19/06/2010	Nữ	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	0	0	6.75	3.40	5.50	15.65	
831	060831	Võ Nguyễn Tường	Vy	10/03/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	7.25	4.40	5.75	17.40	
832	060832	Nguyễn Đình Hồng	Vỹ	04/07/2010	Nam	Kinh	Nghi Lộc, Nghệ An	0	0	5.25	1.60	5.00	11.85	
833	060833	Nguyễn Thanh	Vỹ	19/05/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.00	2.00	7.75	15.75	
834	060834	Trần Phụng	Vỹ	26/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.50	5.40	8.50	22.40	
835	060835	Hà Bảo	Xuyên	04/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	5.20	6.50	18.95	
836	060836	Đoàn Phạm Như	Ý	09/10/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.00	5.00	8.50	21.50	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Hàm Thuận Bắc

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
837	060837	Đỗ Thị Phương	Yên	14/01/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	8.25	6.80	7.75	22.80	
838	060838	Đàm Thị Ngọc	Yên	24/11/2010	Nữ	Tày	Bảo Lộc, Lâm Đồng	1	0	7.00	1.60	6.00	15.60	
839	060839	Diệp Thị Kim	Yên	07/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	3.60	7.00	17.60	
840	060840	Lê Trần Ngọc	Yên	31/12/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	3.60	7.00	18.35	
841	060841	Nguyễn Lê Hoàng	Yên	18/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	5.40	6.50	17.65	
842	060842	Nguyễn Thị Thu	Yên	18/02/2009	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	3.00	2.80	5.75	11.55	
843	060843	Trần Hải	Yên	22/02/2010	Nữ	Kinh	Bảo Lộc, Lâm Đồng	0	0	4.50	2.20	6.00	12.70	
844	060844	Trương Thị Ngọc	Yên	23/07/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	4.25	2.60	3.25	10.10	

Danh sách này có **844** thí sinh.

Bình Thuận, ngày 17 tháng 06 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Văn Thạch